

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN NGỌC GIÁP

HỢP TÁC VIỆT NAM - INDONESIA  
VỀ PHÂN ĐỊNH BIỂN (1978 - 2023)

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

Hà Nội - 2024

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Nguyễn Văn Kim  
TS. Nguyễn Thanh Minh

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Anh

Phản biện: PGS.TS. Dương Văn Huy

Phản biện: TS. Nguyễn Thị Minh Tiến

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội vào hồi 08 giờ 30 ngày 16 tháng 12 năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Phân định biển là hoạt động mang tính quốc tế, nhằm hoạch định đường biên giới biển (như vùng nội thủy, lãnh hải) và ranh giới biển (như vùng đặc quyền kinh tế - EEZ và thềm lục địa) giữa hai hay nhiều quốc gia có bờ biển đối diện hoặc tiếp giáp nhau. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết đối với những quốc gia có biển để giải quyết các tranh chấp chủ quyền, xây dựng môi trường hòa bình, an ninh và phát triển ở các vùng biển.

Là quốc gia có vùng biển rộng và bờ biển dài, nhiều khu vực tiếp giáp, chồng lấn với vùng biển các nước, Việt Nam nhất quán chủ trương giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982. Bên cạnh kết quả hợp tác phân định biển tích cực với các nước, Việt Nam còn đối mặt với không ít thách thức do nhiều nước liên quan còn có quan điểm khác nhau về chủ quyền và lợi ích quốc gia dân tộc, nên quá trình phân định biển giữa Việt Nam với các nước còn nhiều tồn tại, vướng mắc cần tiếp tục đàm phán thông qua biện pháp hòa bình.

Trong bối cảnh hiện nay, hợp tác giữa các quốc gia hữu quan về vấn đề Biển Đông, nhất là hợp tác giải quyết các tranh chấp và phân định biển là một trong những trọng tâm ưu tiên nhằm tăng cường lòng tin, giảm nguy cơ xung đột, giải quyết hòa bình các tranh chấp, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn, tự do hàng hải và hàng không ở khu vực, xây dựng Biển Đông trở thành vùng biển hòa bình, ổn định và phát triển. Do đó, nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện đề tài **“Hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển (1978 - 2023)”** là hết sức cần thiết, có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

**2.1. Mục tiêu nghiên cứu:** Luận án làm rõ thực trạng hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển giai đoạn từ năm 1978 - 2023. Trên cơ sở đó, phân tích kết quả đạt được, dự báo triển vọng và đưa ra một số khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:**

*Thứ nhất*, hệ thống lại nguồn tư liệu nghiên cứu liên quan hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển.

*Thứ hai*, làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và thực tiễn hợp tác về phân định biển trên thế giới, khu vực Biển Đông, liên hệ trường hợp cụ thể hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển.

*Thứ ba*, chỉ ra những nhân tố (bên ngoài và bên trong) tác động đến quá trình hợp tác phân định biển giữa Việt Nam và Indonesia; trình bày, phân tích thực trạng hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định ranh giới thềm lục địa và EEZ trong giai đoạn từ năm 1978 - 2023 và kết quả đạt được.

*Thứ tư*, đánh giá thành tựu, khó khăn của quá trình hợp tác phân định biển giữa hai nước và rút ra đặc điểm, bài học kinh nghiệm, dự báo về triển vọng hợp tác và đưa ra khuyến nghị chính sách góp phần tối đa hóa lợi ích và an ninh quốc gia của Việt Nam.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Nghiên cứu về hợp tác phân định biển Việt Nam và Indonesia.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

*Về thời gian:* Trọng tâm nghiên cứu là giai đoạn từ năm 1978 - 2023, song đề tài có đi sâu phân tích những sự kiện liên quan hợp tác phân định biển giữa hai nước ở thời điểm trước năm 1978 và sau năm 2023 để đánh giá và so sánh về những vấn đề có liên quan.

*Về không gian:* Không gian nghiên cứu xoay quanh hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển ở khu vực Đông Nam Á trong mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước liên quan. Tuy nhiên, có thể mở rộng ra ngoài phạm vi không gian nêu trên.

#### **4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu**

##### **4.1. Cách tiếp cận**

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở ứng dụng những quan điểm của nhiều lý thuyết nghiên cứu trong quan hệ quốc tế (Chủ nghĩa hiện thực, Chủ nghĩa tự do...) và vận dụng linh hoạt các lý thuyết về địa chính trị, cạnh tranh để phân tích chính sách, mục tiêu hợp tác phân định biển của mỗi nước cũng như thực tiễn đàm phán phân định biển giữa hai bên; những cơ sở lý luận về hợp tác quốc tế, cơ sở pháp lý về phân định biển được áp dụng để phân tích, đánh giá và làm sáng tỏ thực trạng hợp tác phân định biển giữa hai nước.

Luận án được hoàn thành dựa trên các cách tiếp cận chủ yếu như cách tiếp cận quan hệ quốc tế, luật học, sử học, hệ thống cấu trúc và cách tiếp cận liên ngành, đa ngành.

##### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình hoàn thành luận án, tác giả đã vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu là phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp phân tích chính sách đối ngoại, phương pháp thống kê, phương pháp diễn ngôn, phương pháp dự báo và phương pháp diễn cứu án lệ điển hình trong thực tiễn phân định biển của các nước trên thế giới và khu vực Đông Nam Á. Những phương pháp trên được tác giả sử dụng lồng ghép một cách linh hoạt để làm nổi bật nội dung trọng tâm nghiên cứu cũng như tăng hàm lượng khoa học của luận án.

### **4.3. Nguồn tư liệu**

Trong quá trình nghiên cứu luận án, tác giả sẽ tiếp cận đa dạng nguồn thông tin, tài liệu, trong đó chủ yếu:

*Thứ nhất*, văn kiện, tuyên bố chung, phát biểu về chính sách đối ngoại của Việt Nam, Indonesia; hiệp định, thỏa thuận, văn bản ký kết giữa Việt Nam, Indonesia và các nước liên quan phân định biển.

*Thứ hai*, các bài nghiên cứu, sách chuyên khảo liên quan hợp tác giữa Việt Nam với các nước, bao gồm Indonesia về phân định biển, biện pháp giải quyết tranh chấp, phân định biển giữa các nước.

*Thứ ba* là sách, bài nghiên cứu liên quan phân định biển giữa các nước và giữa Việt Nam - Indonesia của các học giả nước ngoài.

*Thứ tư* là các công trình nghiên cứu của chuyên gia, học giả trong và ngoài nước đăng trên các tạp chí khoa học, tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo, luận văn, luận án chuyên ngành và internet.

### **5. Đóng góp của luận án**

*Thứ nhất*, luận án đã hệ thống hóa và cung cấp kiến thức cơ bản về phân định biển; góp phần làm rõ tính đa dạng, đặc trưng của việc áp dụng luật pháp quốc tế trong hợp tác phân định biển giữa hai quốc gia, cụ thể với trường hợp của Việt Nam và Indonesia.

*Thứ hai*, nhận diện và phân tích nhân tố tác động, động cơ của các bên, làm rõ thực trạng hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển từ năm 1978 - 2023; góp phần làm phong phú thêm quan hệ hợp tác Việt Nam - Indonesia, nhất là giai đoạn 1978 - 2023.

*Thứ ba*, thông qua phân tích thực trạng hợp tác phân định biển giữa Việt Nam - Indonesia từ năm 1978 - 2023, luận án rút ra những đặc điểm, bài học kinh nghiệm hợp tác phân định biển giữa hai nước.

*Thứ tư*, dự báo về tình hình Biển Đông, triển vọng hợp tác hai nước thời gian tới và khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam.

*Thứ năm*, luận án góp phần làm phong phú nguồn tư liệu tham khảo phục vụ hoạch định chính sách liên quan hợp tác phân định biển nói chung, phục vụ giảng dạy về quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Nam Á cũng như các nghiên cứu kết hợp liên ngành giữa quốc tế học, chính trị học và luật học.

## **6. Bố cục của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được cơ cấu thành bốn chương: Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu; Chương 2: Cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn phân định biển; Chương 3: Thực trạng hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển; Chương 4: Đánh giá quá trình hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển và khuyến nghị.

## **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

### **1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan hợp tác quốc tế giải quyết tranh chấp lãnh thổ ở khu vực Biển Đông**

Biển Đông là khu vực địa chiến lược của thế giới, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Đông Nam Á. Vì vậy, giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ và xây dựng môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực là trọng tâm chính sách của các nước liên quan, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều chuyên gia, học giả trong và ngoài nước. Đa phần các công trình nghiên cứu đều cho rằng nguyên nhân dẫn đến những mâu thuẫn, tranh chấp chủ quyền và hệ lụy ở Biển Đông xuất phát từ sự chồng chéo về yêu sách chủ quyền của các bên. Để giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông, các bên đã áp dụng nhiều biện pháp như đàm phán, thương lượng, “gác tranh chấp, cùng khai thác”, hay thông qua Tòa án quốc tế, song đa số các tranh chấp vẫn chưa giải quyết triệt để do thiếu lòng tin và sự tin cậy giữa các bên.

Tiêu biểu như công trình nghiên cứu “*Hệ thống xung đột ở Biển Đông: Thực trạng và triển vọng*” của tác giả Hoàng Khắc Nam, “*Người Việt với biển*” của tác giả Nguyễn Văn Kim, “*Biển Đông: Tìm kiếm một dàn xếp pháp lý mới nhằm tăng cường ổn định và hợp tác*” của Nguyễn Hồng Thao và Ramses Amer, “*Những diễn biến gần đây ở Biển Đông: Hệ lụy đối với hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực*” của tác giả Carlyle A. Thayer, hay “*Tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông và an ninh khu vực*” của Dusko Dimitrijevic.

## **1.2. Những công trình nghiên cứu về chính sách, quan hệ đối ngoại của Việt Nam và Indonesia**

Chính sách đối ngoại của Việt Nam và Indonesia, cũng như quan hệ hợp tác giữa hai nước nói riêng nhận được sự quan tâm của đông đảo học giả ở trong nước và quốc tế. Tiêu biểu trong số đó, có một công trình nghiên cứu tiêu biểu về chính sách đối ngoại của hai nước như Phạm Bình Minh với “*Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến năm 2020*”, Nguyễn Đình Bin với “*Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*”, Nguyễn Phú Trọng với “*Xây dựng nền đối ngoại, ngoại giao toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc cây tre Việt Nam*”, Leo Suryadinata với “*Chính sách đối ngoại của Indonesia dưới thời Suharto: Khát vọng lãnh đạo quốc tế*”, Vibhanshu Shekhar với “*Chính sách đối ngoại và chiến lược của Indonesia trong thế kỷ 21: Sự trỗi dậy của một cường quốc Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*”. Nghiên cứu về quan hệ Việt Nam - Indonesia phải kể đến Nguyễn Minh Giang với công trình “*Nhìn lại 65 năm quan hệ Việt Nam - Indonesia (1955 - 2020)*”, Nguyễn Văn Bảo về “*Quan hệ Việt Nam - Indonesia (1995 - 2015)*”, Trịnh Kiều My về “*Quan hệ Việt Nam - Indonesia giai đoạn 2001 - 2020*”...



### **1.3. Những công trình nghiên cứu trực tiếp về hợp tác phân định biển giữa Việt Nam và Indonesia**

Hiện tại những nghiên cứu trực tiếp về phân định biển giữa Việt Nam và Indonesia chưa có nhiều công trình, nhất là nghiên cứu có đánh giá tổng thể, toàn diện về quá trình phân định biển giữa hai nước. Tuy nhiên, một số công trình đã đề cập đến vấn đề này với nhiều góc cạnh, không gian và thời điểm khác nhau, có giá trị tham khảo như Vũ Trần Thắng với đề tài “*Việc áp dụng đường phân định chung cho thềm lục địa và EEZ: Trường hợp phân định biển giữa Việt Nam và Indonesia*”, Hoàng Đào Huy với “*Thực tiễn khai thác chung trên biển giữa Việt Nam và các nước trong khu vực*”, Lê Thị Thúy Hiền với “*Tranh chấp biên giới, lãnh thổ giữa các nước ASEAN và một số khuyến nghị đối với Việt Nam*”, Jamal Hi Arsyad với nghiên cứu “*Biên giới biển Indonesia - Việt Nam: Vấn đề và triển vọng giải quyết*”, Ichwan Rizky Akbar Napitupulu với “*Tranh chấp biên giới EEZ của Indonesia và Việt Nam về mặt Hiệp định quốc tế*” và mới nhất là Muhammad Afifi Alfaridzi với bài viết “*Động lực giải quyết xung đột giữa Indonesia và Việt Nam ở EEZ*”...

### **1.4. Đánh giá chung và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu**

Nhìn chung, vấn đề phân định biển ở Biển Đông giữa các quốc gia hữu quan và giữa Việt Nam - Indonesia đã được các chuyên gia, học giả, nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách của Việt Nam và quốc tế quan tâm, nghiên cứu trên nhiều bình diện khác nhau, từ quan hệ quốc tế đến luật pháp. Tuy nhiên, phần lớn mới tập trung vào một số khía cạnh, hình thức hợp tác, phạm vi nghiên cứu nhất định. Thực tế cho thấy, chưa có tài liệu hoặc công trình nghiên cứu

nào liên quan mật thiết đến vấn đề “Hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển” giai đoạn từ năm 1978 - 2023.

Nghiên cứu sinh hy vọng luận án sẽ cung cấp một góc nhìn đa diện quá trình hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển giai đoạn từ năm 1978 - 2023 dựa trên cơ sở kế thừa và tiếp thu cơ sở lý luận từ các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước.

## **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN, PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÂN ĐỊNH BIỂN**

### **2.1. Cơ sở lý luận**

#### **2.1.1. Lý luận về hợp tác quốc tế**

Trên cơ sở định nghĩa về hợp tác quốc tế, luận án đã làm rõ bốn đặc trưng của hợp tác quốc tế (phải có sự tham gia của chủ thể quan hệ quốc tế; các chủ thể phối hợp, tương tác với nhau một cách hòa bình; nhằm thực hiện mục đích chung; kết quả đạt được thường tương đồng với nhau), ba cách phân loại chủ yếu (căn cứ vào lĩnh vực hoạt động, phân thành hợp tác chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ, văn hóa xã hội; dựa trên số lượng chủ thể tham gia, phân thành hợp tác song phương và đa phương; dựa vào quy mô không gian, phân thành hợp tác khu vực và toàn cầu), với một số đặc điểm như hợp tác quốc tế là môi trường để các quốc gia hoạch định chính sách đối ngoại, đảm bảo an ninh quốc gia, tham gia và thể hiện vai trò quản trị toàn cầu, sử dụng biện pháp đàm phán, thương lượng thay vì sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực.

#### **2.1.2. Các quan điểm về tranh chấp lãnh thổ**

Từ việc đưa ra khái niệm về tranh chấp lãnh thổ, luận án chỉ ra ba nhóm nguyên nhân chính phát sinh tranh chấp lãnh thổ trên thế giới (gồm sự thiếu nhất quán về phân định biên giới lãnh thổ từ thời thực dân, đế quốc; sự đa dạng về tôn giáo, dân tộc, thể chế chính trị ở

các quốc gia; toan tính chính trị ở các nước trong từng thời điểm cụ thể) và làm rõ những nguyên tắc giải quyết tranh chấp lãnh thổ (gồm nguyên tắc bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia; nguyên tắc cấm sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp và nguyên tắc đặc thù lãnh thổ).

## **2.2. Cơ sở pháp lý**

### **2.2.1. Khái niệm về phân định biển**

Từ khái niệm phân định biển, khái quát một số đặc điểm như: Chủ thể phân định biển là quốc gia; phân định biển chỉ diễn ra khi tồn tại sự chồng lấn ở những vùng biển mà các quốc gia tranh chấp đều có danh nghĩa pháp lý; phân định biển gồm phân định lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, thềm lục địa và EEZ; mục đích là áp dụng luật quốc tế để thiết lập một đường ranh giới phân chia vùng chồng lấn; giúp giải quyết tranh chấp chủ quyền, quyền chủ quyền, quản lý biển và thực thi quyền tài phán trên các vùng biển, thúc đẩy hòa bình, hợp tác cùng phát triển trong khu vực và trên thế giới.

### **2.2.2. Nguyên tắc phân định biển**

Theo luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982 và tham khảo các phán quyết của Tòa Công lý quốc tế (ICJ) liên quan phân định biển đã hình thành một hệ thống các nguyên tắc phân định biển cơ bản gồm nguyên tắc thỏa thuận, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc đất thống trị biển, nguyên tắc thụ đắc lãnh thổ, nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực.

### **2.2.3. Phương pháp phân định biển**

Theo luật pháp quốc tế và thực tiễn phân định biển trên thế giới, có những phương pháp phân định phổ biến như phương pháp đường ranh giới đơn nhất, phương pháp đường trung tuyến, phương

pháp đường vuông góc đối với hướng đi chung của bờ biển, phương pháp phân kéo dài tự nhiên của biên giới trên bộ, phương pháp đường kinh tuyến và vĩ tuyến, song đều không phải là phương pháp bắt buộc ở mọi trường hợp.

### **2.3. Cơ sở thực tiễn**

#### **2.3.1. Xu hướng giải quyết tranh chấp lãnh thổ trên biển**

Hiện nay xu hướng đàm phán trên cơ sở hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau là tiến bộ trong nhận thức về giải quyết xung đột của thế giới. Do đó, giải quyết tranh chấp lãnh thổ trên biển và phân định biển thường ưu tiên sử dụng biện pháp hòa bình, đàm phán và cơ sở pháp lý, nhằm đảm bảo ba yếu tố gồm giải quyết tranh chấp; tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không ảnh hưởng đến lợi ích của các quốc gia liên quan. Theo đó, thế giới hiện có một số kênh giải quyết tranh chấp biển như: Giải quyết bằng biện pháp đàm phán thương lượng; giải quyết bằng biện pháp trung gian, hòa giải; giải quyết tranh chấp thông qua thiết chế trọng tài (Tòa Trọng tài thường trực Lahaye - PCA); giải quyết thông qua thiết chế tòa án ICJ.

#### **2.3.2. Thực tiễn áp dụng luật biển quốc tế về phân định biển của các nước**

Lịch sử thế giới có nhiều tranh chấp liên quan đến phân định biển được giải quyết thông qua luật quốc tế, qua đó ngăn chặn đáng kể xung đột và việc sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực như phân định biển giữa Bangladesh và Myanmar ở Vịnh Bengal thông qua Tòa án Quốc tế và Luật Biển (ITLOS); phân định biển giữa Đức, Hà Lan và Đan Mạch ở thềm lục địa biển Bắc, phân định biển giữa Colombia và Nicaragua, giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, giữa Malaysia và Indonesia, giữa Malaysia và Singapore thông qua ICJ.

## **Tiểu kết chương 2**

Chương 2 đã đề cập đến cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn phân biên trên thế giới, khu vực liên quan hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển. Việc làm rõ khái niệm hợp tác quốc tế, quan điểm về tranh chấp lãnh thổ, bao gồm tranh chấp trên biển là cơ sở để làm sáng tỏ các vấn đề như hình thức, đặc điểm và vai trò của hợp tác quốc tế trong phân định biển, những đặc trưng và nguyên tắc giải quyết tranh chấp biên giới lãnh thổ. Đây sẽ là lý luận cơ bản cho việc nghiên cứu, làm rõ nội dung hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển, qua đó định vị những vấn đề hai bên còn tồn tại khác biệt, cản trở tiến trình hợp tác đàm phán phân định biển.

Qua nghiên cứu cơ sở pháp lý và thực tiễn phân định biển có thể thấy công tác hoạch định ranh giới biển hết sức phức tạp. Đến nay chưa có một chuẩn mực, tối ưu để áp dụng cho mỗi quốc gia. Tuy nhiên, qua các án lệ điển hình và thực tiễn phân định biển trên thế giới, khu vực Biển Đông đã hình thành một số nguyên tắc, phương pháp và xu hướng phân định phổ biến, làm cơ sở để phân tích thực trạng hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển, từ đó làm rõ những thành tựu, khó khăn, đúc rút ra các đặc điểm và bài học kinh nghiệm.

## **CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG HỢP TÁC VIỆT NAM - INDONESIA VỀ PHÂN ĐỊNH BIỂN**

### **3.1. Hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định ranh giới thêm lục địa từ năm 1978 - 2003**

#### **3.1.1. Yếu tố tác động**

Luận án tập trung phân tích, đánh giá yếu tố tác động ở hai cấp độ gồm yếu tố bên ngoài (thuộc cấp độ quốc tế và khu vực) và yếu tố bên trong (thuộc cấp độ quốc gia và quan hệ song phương).

- Yếu tố thuộc cấp độ trật tự quốc tế có tác động, chi phối quá trình phân định biển giữa hai nước gồm nhân tố quốc tế (xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế từ những năm cuối thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI, xu hướng toàn cầu hóa, hợp tác khu vực, cạnh tranh giữa các cường quốc sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ), nhân tố khu vực (tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhân tố ASEAN, các nước lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nga, Nhật Bản, Ấn Độ).

- Các yếu tố bên trong, luận án tập trung nghiên cứu tác động từ lịch sử quan hệ hai nước, đặc điểm vùng chông lán trên biển giữa hai bên và lịch sử đàm phán phân định biển trước năm 1978. Với những nội dung đã trình bày, yếu tố bên trong là nền tảng cơ bản để nghiên cứu sinh phân tích diễn biến của quá trình hợp tác phân định biển giữa hai nước giai đoạn từ năm 1978 - 2003.

### **3.1.2. Chủ trương, quan điểm và mục tiêu của Việt Nam, Indonesia về đối ngoại và phân định biển từ năm 1978 - 2003**

- Việt Nam thực thi chính sách đối ngoại hòa bình, giải quyết tranh chấp trên biển nói chung và phân định biển nói riêng trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982, thông qua biện pháp hòa bình tìm ra một biện pháp công bằng cho tất cả các bên.

- Indonesia kiên trì chính sách đối ngoại độc lập, tích cực và tự chủ, kiên quyết không thỏa hiệp các vấn đề liên quan chủ quyền lãnh thổ, nhấn mạnh vai trò của DOC, tầm quan trọng của COC và sự cần thiết phải tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982.

### **3.1.3. Quá trình phân định ranh giới thêm lục địa giữa Việt Nam và Indonesia**

Chính phủ Việt Nam và Indonesia tổ chức đàm phán vòng I về phân định thêm lục địa cấp chuyên viên diễn ra từ ngày 05 -

09/6/1978 tại Hà Nội. Tuy nhiên, do sự khác biệt về lập trường của mỗi bên (Indonesia kiên định yêu sách đường trung tuyến đảo - đảo, trong khi Việt Nam đề xuất phương án thềm lục địa là sự kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền ra biển), tình hình nội trị của mỗi nước và UNCLOS 1982 ra đời đã khiến tiến trình đàm phán phân định thềm lục địa giữa hai nước gián đoạn, kéo dài.

Sau thời gian đàm phán gián đoạn (từ năm 1997 - 2000) và không có bước đi cụ thể, hai nước tạm thời nhất trí không tiếp tục tranh cãi về cơ sở pháp lý mà tập trung vào phương án giải quyết thực chất để đi đến giải pháp cuối cùng. Tháng 8/2001, nhân chuyến thăm Việt Nam, Tổng thống Indonesia Megawati đề nghị thúc đẩy và đi đến dứt điểm vấn đề tranh chấp vùng chồng lấn ở thềm lục địa.

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo cấp cao hai nước, nhất là sự thống nhất lập trường chung trong những lần thăm viếng, hội kiến và tiếp xúc song phương, từ vòng họp hai Trưởng đoàn chuyên viên lần thứ 4 (10/2001) đến vòng 12 không chính thức cấp chuyên viên (3/2003), hai nước đã nhất trí một số nội dung mang tính đột phá như các vấn đề kỹ thuật hải đồ liên quan phân định thềm lục địa giữa hai nước; tọa độ các điểm cần phân định; xác định khu vực chồng lấn và chia đều diện tích khu vực thềm lục địa còn lại.

#### **3.1.4. Kết quả hợp tác phân định ranh giới thềm lục địa**

Sau 26 năm đàm phán, trải qua 2 vòng đàm phán cấp Chính phủ, 22 vòng họp cấp chuyên viên, 4 cuộc trao đổi hẹp cấp Trưởng đoàn chuyên viên và 1 vòng đàm phán về kỹ thuật hải đồ, Việt Nam và Indonesia đã thống nhất về một giải pháp cùng chấp nhận được. Ngày 29/5/2003, hai bên tiến hành trao đổi Văn kiện phê chuẩn Hiệp định giữa hai Chính phủ về phân định ranh giới thềm lục địa.

Nhân chuyến thăm Việt Nam lần thứ hai của Tổng thống Megawati, ngày 26/6/2003, lãnh đạo Chính phủ hai nước đã ký kết Hiệp định phân định ranh giới thềm lục địa, gồm 6 điều, với các nội dung liên quan vị trí, tính chất đường phân định, về bảo vệ môi trường biển, cách thức xử lý các cấu tạo mỏ dầu khí hoặc mỏ khoáng sản nằm vắt ngang qua đường phân định, cách thức giải quyết hòa bình tranh chấp, yêu sách quyền chủ quyền, quyền tài phán.

### **3.2. Hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định EEZ từ năm 2004 - 2023**

#### **3.2.1. Yếu tố tác động**

- Tác động từ sự chuyển biến trong cục diện thế giới, khu vực và xu hướng các nước gia tăng can dự, cạnh tranh ảnh hưởng ở khu vực Biển Đông, nhất là cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung.

- Tác động từ tình hình quan hệ hai nước giai đoạn từ năm 2004 - 2023. Quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam - Indonesia là tiền đề thuận lợi để hai nước thúc đẩy hợp tác phân định biển.

#### **3.2.2. Chủ trương, quan điểm và mục tiêu của Việt Nam, Indonesia về đối ngoại và phân định biển từ năm 2004 - 2023**

- Việt Nam duy trì đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa; giải quyết mọi tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, dựa trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982.

- Indonesia tiếp tục kiên trì chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, ưu tiên quan hệ với các nước láng giềng, mở rộng quan hệ với tất cả các quốc gia; tăng cường đàm phán ranh giới biển với các nước bằng biện pháp hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế, UNCLOS 1982 và thực hiện đầy đủ DOC.



### **3.2.3. Quá trình hợp tác phân định EEZ giữa Việt Nam và Indonesia**

Những năm đầu thế kỷ XXI, hai nước nổi lên cách hiểu khác nhau về EEZ (ngư dân Việt Nam cho rằng ranh giới thềm lục địa và ranh giới EEZ là một đường thống nhất, lực lượng chấp pháp Indonesia khẳng định ranh giới EEZ của nước này là đường trung tuyến giữa đảo Natuna Indonesia và Côn Đảo Việt Nam) đã hình thành vùng chông lấn đòi hỏi hai bên tiếp tục đàm phán phân định.

Xuất phát từ lý do trên, lập trường và quan điểm giữa hai nước đã tồn tại vướng mắc không dễ giải quyết trong ngắn hạn liên quan EEZ. Phía Việt Nam muốn đường phân định EEZ nên trùng với đường phân định thềm lục địa, trong khi Indonesia lại muốn có một đường phân định EEZ lệch về phía bờ biển của Việt Nam, gần phía Côn Đảo, với lý do nước này có lợi thế là quốc gia quần đảo.

Hai nước bắt đầu tiến hành đàm phán phân định EEZ vòng I vào ngày 21/5/2010. Tuy nhiên, đến vòng đàm phán thứ IX (10/2016), hai bên vẫn chưa đạt thỏa thuận do chưa thống nhất được lập trường về nguyên tắc, hướng dẫn vẽ đường ranh giới EEZ.

Để sớm kết thúc đàm phán EEZ trong bối cảnh tình hình khu vực có nhiều biến động phức tạp, nhân các chuyến thăm và hội đàm bên lề hội nghị, lãnh đạo cấp cao hai nước đã thống nhất chỉ đạo cơ quan chức năng hai bên sớm hoàn tất thủ tục đàm phán trên nguyên tắc tôn trọng luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982, tiêu biểu như chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Joko Widodo (9/2018), lãnh đạo hai bên đã nhất trí giao cuộc họp Nhóm kỹ thuật đẩy nhanh tiến độ đàm phán để sớm đạt được thỏa thuận cuối cùng; tại cuộc gặp bên lề Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 34 (6/2019), Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Tổng thống Joko Widodo khẳng định quyết tâm thúc

đẩy hợp tác đàm phán phân định ranh giới EEZ; hội kiến bên lề Hội nghị các nhà lãnh đạo ASEAN (4/2021), Thủ tướng Phạm Minh Chính và Tổng thống Joko Widodo nhất trí tăng cường thảo luận đề sớm hoàn tất quá trình đàm phán phân định ranh giới EEZ...

Xuất phát từ sự kỳ vọng, thống nhất chỉ đạo của lãnh đạo hai nước, cơ quan chức năng hai bên tăng cường liên lạc, thông qua nhiều hình thức đàm phán (kể cả trong bối cảnh Covid-19), riêng trong năm 2022, hai bên đã luân phiên tổ chức 5 vòng đàm phán chính thức (từ vòng XIII - XVII) ở mỗi nước, qua đó thu hẹp dần khoảng cách giữa hai đường đề xuất, tìm kiếm đường phân định cuối cùng trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích và nhất trí về các thành tố của Hiệp định phân định EEZ với quyết tâm kết thúc đàm phán để kịp báo cáo lãnh đạo cấp cao hai nước quyết định nhân chuyến thăm Indonesia của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc vào cuối năm 2022.

#### **3.2.4. Kết quả hợp tác phân định EEZ**

Kết thúc vòng đàm phán thứ XVII, hai nước đã đạt được thống nhất cao về các vấn đề liên quan, đặc biệt là thống nhất về đường phân định cuối cùng và giao nhóm kỹ thuật hai bên xác định tọa độ chung của đường phân định. Nhân dịp Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc sang thăm Indonesia, ngày 23/12/2022, lãnh đạo cấp cao hai nước đã tuyên bố kết thúc đàm phán phân định EEZ.

Như vậy, sau 12 năm kiên trì hợp tác đàm phán phân định ranh giới EEZ bằng biện pháp hòa bình, trên tinh thần quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp giữa hai quốc gia, tuân thủ quy định của luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, Việt Nam và Indonesia đã vượt qua nhiều trở ngại, nhất là quan điểm, lập trường của mỗi bên về phương pháp phân định để đi đến kết thúc đàm phán và ký kết Hiệp định phân định EEZ.

### **Tiểu kết chương 3**

Như vậy, thực trạng hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển (1978 - 2023) được chia thành hai giai đoạn, gắn liền với hai nội dung đàm phán phân định biển là phân định thềm lục địa (1978 - 2023) và phân định EEZ (2004 - 2023).

Trong giai đoạn từ năm 1978 - 2003, quan hệ Việt Nam - Indonesia trải qua nhiều thăng trầm, có lúc nồng ấm, có lúc mờ nhạt do chịu tác động của bối cảnh thế giới, khu vực và sự thay đổi trong chính sách đối ngoại cũng như lập trường của mỗi nước về đường yêu sách nên đã tác động đến quan hệ song phương nói chung và hợp tác phân định thềm lục địa nói riêng. Tuy nhiên, những thăng trầm qua các thời kỳ đã giúp hai nước hiểu nhau hơn, góp phần củng cố lòng tin chiến lược, cùng nhau hóa giải những bất đồng, tạo đà thúc đẩy quan hệ hai nước, trong đó có vấn đề hợp tác phân định thềm lục địa. Trải qua 26 năm đàm phán, với 2 vòng đàm phán cấp Chính phủ, 22 vòng họp cấp chuyên viên, 4 cuộc trao đổi hẹp cấp Trưởng đoàn chuyên viên và 1 vòng đàm phán về kỹ thuật hải đồ, hai nước đã ký kết Hiệp định phân định ranh giới thềm lục địa vào ngày 29/5/2003.

Đến giai đoạn từ năm 2004 - 2023, quan hệ Việt Nam - Indonesia đã phát triển vượt bậc, sâu rộng ở nhiều cấp, lĩnh vực, nâng cấp thành Đối tác chiến lược. Từ nhận thức chung về tình hình thế giới, khu vực và nội trị cũng như tương đồng về lợi ích và những thách thức chung, hai nước tiếp tục điều chỉnh chính sách đối ngoại nhằm đảm bảo tối đa lợi ích quốc gia, dân tộc. Xuất phát từ quyết tâm và thống nhất chỉ đạo của lãnh đạo cấp cao hai nước, cơ quan chức năng hai bên tăng cường liên lạc, đa dạng các hình thức đàm phán, từng bước thu hẹp bất đồng để đi đến ký kết Hiệp định phân định EEZ vào ngày 23/12/2022 sau 17 vòng đàm phán.

## **CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HỢP TÁC VIỆT NAM - INDONESIA VỀ PHÂN ĐỊNH BIỂN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **4.1. Nhận xét, đánh giá**

#### **4.1.1. Thành tựu hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển**

*Thứ nhất*, kết thúc quá trình đàm phán, giải quyết mâu thuẫn, bất đồng trên biển giữa Việt Nam và Indonesia kéo dài gần 45 năm.

*Thứ hai*, góp phần đảm bảo tối đa chủ quyền lãnh thổ, lợi ích trên biển của mỗi nước.

*Thứ ba*, kết quả hợp tác phân định biển giữa Việt Nam và Indonesia có ý nghĩa quan trọng, tác động tích cực đối với các nước trong hợp tác phân định biển, làm phong phú thêm hồ sơ quốc tế về hợp tác phân định biển trên thế giới.

#### **4.1.2. Khó khăn trong hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển**

- Sự thiếu nhất quán, đồng bộ trong phân chia biên giới lãnh thổ khu vực từ thời các nước đế quốc, thực dân cai trị tạo nên sự đa dạng và phức tạp của vùng chồng lấn ranh giới biển giữa hai nước.

- Sự đa dạng về tôn giáo, dân tộc và khác nhau về thể chế chính trị khiến quá trình phân định biển Việt Nam - Indonesia khó tìm ra giải pháp cân bằng lợi ích trong ngắn hạn.

- Trong từng thời điểm lịch sử khác nhau thì mục tiêu và toan tính chính trị của các Chính phủ có sự khác nhau, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình hợp tác phân định biển giữa hai nước.

#### **4.1.3. Đặc điểm hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển**

- Trong quá trình đàm phán, hai bên đã cân nhắc kỹ phương án giải quyết theo hướng hòa bình, tránh làm phức tạp bất đồng.

- Vùng biển chồng lấn giữa hai nước là một dạng tranh chấp lãnh thổ, song ít có khả năng leo thang thành xung đột.

- Quá trình phân định biển giữa hai nước có liên quan đến chiến lược và lợi ích của nước lớn ngoài khu vực.

- Vai trò của ASEAN trong giải quyết tranh chấp lãnh thổ và phân định biển giữa Việt Nam - Indonesia chưa thực sự hiệu quả.

#### **4.1.4. Những bài học kinh nghiệm rút ra**

- Quán triệt sâu sắc và vận dụng có nguyên tắc, linh hoạt, sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, đường lối đối ngoại độc lập, bình đẳng, hòa bình và hợp tác phát triển trong giải quyết vấn đề biên giới nói chung và phân định biển nói riêng.

- Bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và quan hệ chính trị, ngoại giao Việt Nam - Indonesia có mối quan hệ chặt chẽ với hợp tác đàm phán phân định biển giữa hai nước.

- Phải kiên trì phát huy những điểm đồng về lập trường, chính sách và lợi ích, hóa giải triệt để bất đồng nhưng kiên quyết đấu tranh, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, phù hợp luật pháp quốc tế.

- Quá trình hợp tác phân định biên giới biển phải căn cứ và vận dụng nhuần nhuyễn, linh hoạt, đúng quy định của luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, hiệp đồng giữa các bộ, ban ngành, địa phương và sự ủng hộ của nhân dân.

### **4.2. Triển vọng hợp tác và kiến nghị**

#### **4.2.1. Dự báo tình hình Biển Đông thời gian tới và triển vọng hợp tác Việt Nam - Indonesia**

##### **4.2.1.1. Dự báo tình hình Biển Đông thời gian tới**

Biển Đông tiếp tục giữ vai trò trọng yếu trong bối cảnh môi trường chính trị, kinh tế toàn cầu có nhiều biến động; là tâm điểm tranh giành ảnh hưởng và trở thành vấn đề gây tranh cãi giữa các nước lớn thông qua các sáng kiến, tập hợp lực lượng để gia tăng ảnh hưởng ở khu vực, nhất là Mỹ và đồng minh với Trung Quốc.

Trước tình hình trên, các nước ASEAN, nhất là các nước hải đảo sẽ tăng cường củng cố sức mạnh quân sự, nâng cao năng lực kiểm soát và thực thi chủ quyền trên Biển Đông; thúc đẩy hình thành cơ chế tuần tra chung trên biển, phối hợp lập trường đối phó với hoạt động phi pháp của Trung Quốc; tranh thủ can dự của Mỹ, đồng minh và đối tác vào khu vực đẩy sâu quan hệ hợp tác với các nước nhằm tạo thế cân bằng chiến lược giữa các nước lớn, cài đặt lợi ích đan xen, góp phần bảo vệ lợi ích và chủ quyền biển, đảo; xây dựng COC thực chất, hiệu quả, hiệu lực; thúc đẩy giải quyết các tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, bao gồm UNCLOS 1982.

#### **4.2.1.2. Triển vọng quan hệ hợp tác Việt Nam - Indonesia**

Căn cứ lịch sử quan hệ và nhu cầu hợp tác giữa hai nước trong bối cảnh hiện nay, luận án dự báo triển vọng quan hệ hai nước:

- Tiếp tục được củng cố và phát triển tốt đẹp, toàn diện và sâu sắc trên nhiều lĩnh vực.
- Quan hệ Đối tác chiến lược giữa hai nước ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất.
- Hợp tác trong các diễn đàn khu vực và đa phương sẽ là ưu tiên và điểm nổi bật trong quan hệ hai nước thời gian tới.
- Quan hệ hai nước nói chung và quá trình hoàn tất Thỏa thuận thực thi Hiệp định phân định EEZ nói riêng chịu tác động nhất định từ cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn, nhất là Mỹ - Trung. Tuy

nhiên, việc tăng cường phối hợp, trao đổi và hoàn tất quá trình đàm phán Thỏa thuận thực thi Hiệp định phân định EEZ Việt Nam - Indonesia sẽ là một trong những vấn đề trọng tâm, ưu tiên hàng đầu của hai nước thời gian tới.

#### **4.2.2. Một số khuyến nghị về chính sách**

*Thứ nhất*, củng cố lòng tin, phát triển quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam - Indonesia đi vào chiều sâu, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, giải quyết hiệu quả tồn tại trong quan hệ hai nước.

*Thứ hai*, thúc đẩy tiến trình đàm phán, hoàn tất Thỏa thuận thực thi Hiệp định phân định EEZ giữa hai nước; tăng cường hợp tác quốc tế về biển và phân định biển với các nước.

*Thứ ba*, phát huy vai trò của Việt Nam ở khu vực, nâng cao vai trò của ASEAN trong đảm bảo an ninh, giải quyết các tranh chấp, bất đồng về lãnh thổ và phân định biển ở Biển Đông.

*Thứ tư*, hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển và vận dụng pháp luật quốc tế trong giải quyết tranh chấp, phân định biển.

*Thứ năm*, nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của các lực lượng chấp pháp trên biển.

*Thứ sáu*, đẩy mạnh phát triển bền vững kinh tế biển, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam ở Biển Đông.

*Thứ bảy*, tăng cường thông tin, tuyên truyền chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong giải quyết tranh chấp và phân định biển.

#### **Tiểu kết chương 4**

Trên cơ sở phân tích thực trạng hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển, có thể thấy hai nước đã đạt được những thành tựu quan trọng, đáp ứng nhu cầu và lợi ích chính đáng của mỗi bên, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và an ninh trên biển, tạo

động lực đưa quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam - Indonesia phát triển lên tầm cao mới. Bên cạnh đó, hai nước cũng đối mặt với những khó khăn cả về chủ quan và khách quan, trong đó sự khác biệt trong lập trường và yêu sách của mỗi bên mang tính quyết định, là nguyên nhân kéo dài thời gian hợp tác đàm phán phân định biển.

Qua phân tích, đánh giá và đúc rút những đặc điểm, bài học kinh nghiệm trong hợp tác phân định biển giữa Việt Nam và Indonesia, đưa ra dự báo triển vọng hợp tác song phương, luận án khuyến nghị một số giải pháp góp phần bảo vệ chủ quyền và tối đa hóa lợi ích, an ninh quốc gia Việt Nam.

## KẾT LUẬN

1. Việt Nam và Indonesia là hai quốc gia láng giềng ở Đông Nam Á, có mối quan hệ truyền thống tốt đẹp, nhân dân hai nước đã gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đều ủng hộ và đấu tranh bảo vệ độc lập, tự do và hợp tác phát triển. Mặc dù, quan hệ hai nước chịu tác động đa chiều của tình hình thế giới, khu vực và nội trị của mỗi bên nhưng hợp tác, phát triển vẫn là xu hướng chủ đạo, từ láng giềng hữu nghị đến quan hệ Đối tác toàn diện (2003) và nâng cấp thành Đối tác chiến lược (2013). Quan hệ Việt Nam - Indonesia nói chung và hợp tác về phân định biển giai đoạn từ năm 1978 - 2023 nói riêng cơ bản phát triển theo chiều thuận. Thực tiễn hợp tác phân định biển cho thấy, mặc dù mỗi nước còn có quan điểm, lập trường khác biệt, song với tình thần đoàn kết, hữu nghị truyền thống, tôn trọng chủ quyền của nhau và tuân thủ luật pháp quốc tế, hai nước đã kết thúc đàm phán phân định biển một cách tốt đẹp, đảm bảo hài hòa lợi ích của mỗi bên.



2. Bên cạnh đó, quá trình hợp tác phân định biển giữa Việt Nam và Indonesia cũng đối mặt với một số khó khăn cả về chủ quan và khách quan, ít nhiều ảnh hưởng đến tổng thể quan hệ hai nước, làm kéo dài thời gian hợp tác đàm phán phân định biển. Một trong số khó khăn lớn chính là mâu thuẫn, bất đồng trong lập trường và yêu sách của mỗi nước về căn cứ pháp lý, phương pháp xác định đường ranh giới thềm lục địa và EEZ. Ngoài ra, yếu tố khách quan như bối cảnh quốc tế và khu vực, nhất là diễn biến căng thẳng, phức tạp ở Biển Đông liên quan tranh chấp chủ quyền biển đảo, tranh giành ảnh hưởng của các nước lớn ở khu vực và vấn đề phân chia biên giới lãnh thổ trong lịch sử cũng tác động nhất định đến quan hệ hợp tác Việt Nam - Indonesia nói chung và hợp tác phân định biển nói riêng.

3. Việt Nam và Indonesia đều là thành viên chủ chốt, tích cực, có trách nhiệm và ảnh hưởng lớn đến cấu trúc thống nhất của ASEAN cũng như duy trì hòa bình, thịnh vượng ở khu vực, do đó kết quả hợp tác phân định biển giữa hai nước có tác động tích cực đối với thế giới, khu vực và hai nước. Đối với thế giới và khu vực, là hình mẫu, thúc đẩy xu hướng hợp tác phân định biển bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982, tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của các bên; là kinh nghiệm quý để các nước ven biển nghiên cứu vận dụng phù hợp với thực tiễn của từng nước, góp phần ngăn ngừa xung đột, duy trì môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực. Đối với Việt Nam và Indonesia, kết quả hợp tác đã đáp ứng tối đa mục tiêu, nhu cầu của hai nước, đảm bảo chủ quyền và lợi ích quốc gia - dân tộc; củng cố hòa bình, ổn định và an ninh xung quanh vùng biển của hai nước; tạo cơ sở vững chắc để hai nước tăng cường hợp tác phân định ranh giới biển với các nước láng giềng trong thời gian tới.

4. Trên cơ sở của những tác động từ bối cảnh thế giới, khu vực, nhất là cục diện Biển Đông ở khu vực Đông Nam Á, nhu cầu hợp tác phát triển của Việt Nam và Indonesia trong tình hình mới, lịch sử và thực trạng hợp tác hai nước về phân định biển đến năm 2023 cho phép dự báo triển vọng quan hệ hợp tác Việt Nam - Indonesia nói chung và hợp tác về biển nói riêng thời gian tới sẽ diễn tiến theo chiều hướng đi lên: Quan hệ hai nước tiếp tục được củng cố và phát triển tốt đẹp, toàn diện và sâu sắc trên nhiều lĩnh vực, góp phần thúc đẩy quan hệ song phương và hợp tác trong các diễn đàn đa phương lên tầm cao mới; hai nước đang đứng trước những thuận lợi, thời cơ và vận hội lớn để hoàn tất Thỏa thuận thực thi Hiệp định phân định EEZ, tăng cường hợp tác về biển, song không loại trừ tác động tiêu cực từ sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn ở khu vực, nhất là yếu tố Trung Quốc.

5. Luận án đưa ra một số khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam. Trong đó, gợi mở những hàm ý thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác Việt Nam - Indonesia trên các lĩnh vực, nhất là việc hoàn tất Thỏa thuận thực thi Hiệp định phân định EEZ, góp phần tăng cường hợp tác về biển giữa hai nước. Luận án cũng khuyến nghị những giải pháp góp phần bảo vệ chủ quyền và tối đa hóa lợi ích, an ninh quốc gia Việt Nam ở Biển Đông như tăng cường hợp tác đàm phán phân định biển với các nước bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982; nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của các lực lượng chấp pháp trên biển; đẩy mạnh phát triển bền vững kinh tế biển, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc ở Biển Đông./.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyen Thanh Minh, Tran Ngoc Giap (2022), “On geographical publications in Germany in the 19th century acknowledgment of the state of Vietnam's owning of the Paracel Islands in 1816”, *International Journal of Science Academic Research* Vol. 03 (04), pp.3688-3694).

2. Nguyen Thanh Minh, Le Van Bao, Tran Ngoc Giap (2023), “The Distribution Process Between Vietnam with Countries In The Sea”, *The Journal of Middle East and North Africa Sciences* Vol. 09 (01), pp.1-8.

3. Nguyen Thanh Minh, Le Van Bao, Tran Ngoc Giap (2023), “Foreign Position and Foreign Policy of Vietnam on The Determination of The Sea”, *The Journal of Middle East and North Africa Sciences* Vol. 09 (05), pp.1-3.

4. Nguyen Thanh Minh, Le Van Bao, Tran Ngoc Giap (2023), “International legal basis for establishing sovereignty of Vietnam for the two Hoang Sa and Truong Sa Islands”, *International Journal of Science Academic Research* Vol. 04 (09), pp.6251-6254.

5. Trần Ngọc Giáp (2023), “Hợp tác Việt Nam - Indonesia về phân định biển: Thực tiễn và ý nghĩa”, *Tạp chí Nghiên cứu chính sách và quản lý, Đại học Quốc gia Hà Nội* Tập 39 (3), tr.54-64.

6. Tran Ngoc Giap (2024), “Vietnam - Indonesia Cooperation on Sea Definition”, *Sarcouncil Journal of Arts Humanities and Social Sciences* Vol. 03 (03), pp.1-10.